

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CỬ CHI  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 104/2020/HS-ST

Ngày: 25-6-2020

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỬ CHI, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:  
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Thanh Hương  
Các Hội thẩm nhân dân:  
- Bà Nguyễn Phước Trinh  
Nghề nghiệp: Cán bộ hưu trí.  
- Bà Phạm Thị Ngọc  
Nghề nghiệp: Cán bộ hưu trí.  
- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Trang, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cử Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cử Chi, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Diệu, Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 6 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cử Chi xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 79/2020/TLST-HS ngày 04 tháng 5 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 101/2020/QĐXXST-HS ngày 10 tháng 6 năm 2020 đối với bị cáo:

Họ và tên: Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1979; nơi cư trú: Ấp P, xã V, huyện G, tỉnh T; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hóa: 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; con ông Nguyễn Văn R và bà Hồ Thị K; bị cáo có vợ tên Dương Thị Tú Tr (đã ly hôn) và có 02 người con, lớn sinh năm 2001, nhỏ sinh năm 2005.

Tiền án: Không.

Tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 14/9/2019 cho đến nay.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- *Bị hại:*

1. Ông Nguyễn Văn T1, sinh năm 1971 (có mặt);

Tạm trú: Tổ D, ấp B2, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Thường trú: Ấp T2, xã H, huyện P, tỉnh B.

2. Bà Trần Thị H, sinh năm 1964 (có mặt);

Tạm trú: Tổ D, ấp B2, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Thường trú: Thôn M, xã D, huyện D, tỉnh Q.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1. Bà Phạm Thị Minh Tr, sinh năm 1979 (vắng mặt);

Địa chỉ: Số A, đường số B, khu phố C, phường T, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Ông Nguyễn Ngọc Thành C, sinh năm 1993 (vắng mặt);

Địa chỉ: Số R, đường số Y, khu phố K, phường T, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Ông Võ Phương N, sinh năm 1994 (vắng mặt);

Địa chỉ: Số T, đường Tỉnh lộ K, phường T, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Ngọc T có quen biết ông Nguyễn Văn T1 và vợ ông T1 là bà Trần Thị H do cùng làm thợ hồ chung với nhau tại công trường xây dựng Công Ty TA tại Khu công nghiệp T, huyện C.

Chiều ngày 12/9/2019, sau khi làm việc xong, T xin vợ chồng ông T1 cho ngủ nhờ tại nhà thuê thuộc ấp B, xã T, huyện C thì vợ chồng ông T1 đồng ý. Khoảng 18 giờ 00 phút cùng ngày, ông T1 và T có uống hết 02 xị rượu, đến 19 giờ 30 phút, bà H có gọi 03 ly cà phê đá quán bên cạnh mang về nhà để ở bàn ăn nhà dưới cho ông T1 và T cùng uống. Lúc này, lợi dụng lúc ông T1 đi ra sau nhà cho gà ăn, bà H dọn dẹp thì T cầm 03 ly cà phê để tại bàn ở nhà trên, T nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản của vợ chồng ông T1 nên lén lút lấy 02 viên thuốc ngủ màu trắng dạng viên nén dài màu trắng đã mua trước đó để điều trị bệnh mất ngủ cho bản thân, dùng tay bóp nát và bỏ vào 02 ly cà phê của vợ chồng ông T1 mục đích để vợ chồng ông T1 ngủ say lấy tài sản. Sau khi uống cà phê xong, do thấy mệt và buồn ngủ nên vợ chồng ông T1 khóa trái cửa nhà vào phòng đi ngủ, T ngủ trên võng nhà dưới.

Đến 00 giờ 00 phút ngày 13/9/2019, T thấy vợ chồng ông T1 đã ngất thuốc ngủ say nên T đến giường ngủ vợ chồng ông T1 để lấy tài sản. T tháo chiếc vòng bằng kim loại màu vàng trên cổ tay trái và dùng kéo cắt sợi dây chuyền bằng kim loại màu vàng trên cổ của bà H. Sau đó T dùng dao lam cạo râu của ông T1 để trên kệ cắt túi quần jeans phía trước bên trái của ông T1 đang mặc trên người lấy cái túi màu đen, trong túi có khoảng 9.000.000đ (chín triệu đồng), 01 sợi dây chuyền và 01 chiếc nhẫn bằng kim loại màu vàng. T cắt tiếp túi quần jeans phía trước bên phải của ông T1 lấy cái bóp màu nâu nhưng không có tiền nên bỏ lại dưới bếp gas. T lấy tiếp 04 cái điện thoại di động gồm: 01 điện thoại di động hiệu Samsung, 01 điện thoại di động hiệu Nokia, 02 điện thoại di động hiệu Philips của vợ chồng ông T1 để trên đầu giường ngủ rồi mở cửa trước lấy xe gắn máy BS: 67N8-7791 của T tẩu thoát. T điều khiển xe đi đến thuê nhà nghỉ khu vực vòng xoay An Lạc (quận Bình Tân) thuê phòng trọ ngủ đến khoảng 06 giờ 30 phút ngày 13/09/2020 thì thức dậy và đến tiệm vàng K thuộc nhà số A, đường số Y, khu phố H, phường T, Quận B bán chiếc vòng đeo tay bằng vàng 18K cho ông Nguyễn Ngọc Thành C với giá 13.160.000đ (mười ba triệu một trăm sáu mươi nghìn đồng). Tiếp đó, T đến tiệm vàng Kim Thành H thuộc nhà số D, đường số Y, khu phố H, phường T, Quận B bán 01 sợi dây chuyền bằng vàng 18K cho bà Phạm Thị Minh Tr với giá 2.100.000đ (hai triệu một trăm nghìn đồng). Sau đó, T đến cửa hàng điện thoại di

động T thuộc nhà số: T, đường tỉnh lộ K, khu phố Y, phường T, Quận B bán 01 chiếc điện thoại di động hiệu SAMSUNG J6+ màu đen cho Võ Phương N với giá 1.000.000đ (một triệu đồng). Đến khoảng 13 giờ 00 phút cùng ngày, T điều khiển xe gắn máy đi đến khu vực phường 3, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh thì va chạm với xe gắn máy khác nên bị Công an phường 11 đưa về làm việc. Qua kiểm tra, xác minh phát hiện T đã thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản tại xã Tân Phú Trung, huyện Củ Chi. Công an phường 3, Quận 11 bàn giao tên T cùng số tang vật cho Công an xã Tân Phú Trung xử lý. Sau khi bị chiếm đoạt tài sản, vợ chồng ông T1 đã làm đơn tố cáo.

Ngày 14/9/2019, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Củ Chi tiến hành cho T chỉ điểm các địa điểm bán tài sản và hiệu thuốc mà T đã mua thuốc ngủ. Thu hồi được 01 chiếc điện thoại di động hiệu SAMSUNG J6+, màu đen, còn chiếc vòng bằng vàng đeo tay và 01 sợi dây chuyền bằng vàng không thu hồi được vì chủ tiệm vàng nấu thành cục chung với các nữ trang khác.

Tại bản Kết luận giám định pháp y về hoá chất số MST 517 ngày 08/10/2019 của Trung tâm Pháp y Thành phố Hồ Chí Minh kết luận: Mẫu dung dịch màu nâu chứa trong hai chai nhựa có sự hiện diện của Bromazepam (thuốc an thần, gây ngủ) và Caffein (chất kích thích thần kinh trung ương yếu).

Tại bản kết luận của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự số 95 ngày 01/04/2020 kết luận: Giá trị tài sản thiệt hại là 33.839.998đ (ba mươi ba triệu tám trăm ba mươi chín nghìn chín trăm chín mươi tám đồng).

Tình tiết tăng nặng: Không.

Tình tiết giảm nhẹ: Nguyễn Ngọc T phạm tội thành khẩn khai báo nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Vật chứng thu giữ:

- 01 điện thoại di động hiệu Samsung;
- Tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam: 21.854.000đ (hai mươi một triệu tám trăm năm mươi bốn nghìn đồng);
- 01 vòng bằng kim loại màu vàng, đường kính 1,7cm;
- 01 sợi dây chuyền bằng kim loại màu vàng dài 60cm;
- 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu đen;
- 01 điện thoại di động hiệu Philips màu đen;
- 01 điện thoại di động hiệu Philips màu nâu;
- (Các vật chứng trên đã trả cho chủ sở hữu).
- 01 xe gắn máy hiệu Wave màu đen biển số: 67N8-7791.

Phần dân sự: Bị hại yêu cầu T bồi thường số tiền 14.143.000đ (mười bốn triệu một trăm bốn mươi ba nghìn đồng).

Tại Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Củ Chi, Nguyễn Ngọc T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Tại bản cáo trạng số: 87/CT-VKS ngày 28/4/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi đã truy tố bị cáo Nguyễn Ngọc T về tội: “Cướp tài sản” theo điểm d khoản 2 Điều 168 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

*Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo Nguyễn Ngọc T về tội: “Cướp tài sản” theo điểm d khoản 2 Điều 168 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và đề nghị:*

- Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 168, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo T mức án từ 08 năm đến 09 năm tù.

- Về vật chứng: Đề nghị áp dụng Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, tịch thu sung công quỹ Nhà nước 01 xe gắn máy hiệu Wave màu đen biển số: 67N8-7791.

- Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo bồi thường cho ông T1 và bà H số tiền 14.143.000.000đ (mười bốn triệu một trăm bốn mươi ba nghìn đồng); buộc bị cáo bồi thường cho ông N số tiền 1.000.000đ (một triệu đồng).

Tại phiên tòa, bị cáo T thống nhất với lời luận tội của Viện kiểm sát.

Lời nói sau cùng: Bị cáo T xin được giảm nhẹ hình phạt.

Căn cứ vào các chứng cứ tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử vụ án, Điều tra viên, Kiểm sát viên khi thực hiện hành vi cũng như ban hành các quyết định tố tụng đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định tại Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác, không người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng trong vụ án đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai của bị cáo tại phiên tòa hôm nay thống nhất với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác phản ánh trong hồ sơ vụ án.

Như vậy đã có đủ cơ sở kết luận:

Vào ngày 12/9/2019 tại ấp B, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh, bị cáo Nguyễn Ngọc T đã có hành vi sử dụng thuốc an thần, gây ngủ, bỏ vào ly cà phê của ông Nguyễn Văn T1 và bà Trần Thị H, mục đích để vợ chồng ông T1 ngủ say rồi chiếm đoạt tài sản của vợ chồng ông T1 gồm: 01 chiếc vòng bằng kim loại màu vàng, 02 sợi dây chuyền bằng kim loại màu vàng, 01 chiếc nhẫn bằng kim loại màu vàng, 04 điện thoại di động, theo kết luận của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự thì tài sản trên có giá trị 33.839.998đ (ba mươi ba triệu tám trăm ba mươi chín nghìn chín trăm chín mươi tám đồng) và số tiền 9.000.000đ (chín triệu đồng). Tổng giá trị tài sản chiếm đoạt là 42.839.998đ (bốn mươi hai triệu tám trăm ba mươi chín nghìn chín trăm chín mươi tám đồng).

Bằng hành vi trên, đã có đủ cơ sở kết luận bị cáo T phạm tội: “Cướp tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm d khoản 2 Điều 168 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017, đúng như Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi đã truy tố.

Hành vi của bị cáo gây ra là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm sức khỏe và quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của công dân. Khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo nhận thức rõ hành vi của mình là phạm pháp nhưng vẫn cố tình thực hiện hành vi phạm tội nên cần xử lý bị cáo bằng một hình phạt nghiêm khắc, cần tiếp tục cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội trong một thời gian để phát huy tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

Tuy nhiên, trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo đã thừa nhận hành vi phạm tội, thật thà khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

Đối với ông Nguyễn Thành C, bà Phạm Thị Mai T và ông Võ Phương N có hành vi mua tài sản của bị cáo T nhưng không biết tài sản do bị cáo T phạm tội mà có; bà Thân Thị Huyền Tr bán thuốc ngủ cho bị cáo T nhưng không biết bị cáo T dùng thuốc ngủ để thực hiện hành vi phạm tội, do đó hành vi của ông Nguyễn Thành C, bà Phạm Thị Mai T, ông Võ Phương N và bà Thân Thị Huyền Tr không có dấu hiệu của tội phạm, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Củ Chi không xử lý, thấy phù hợp nên Hội đồng xét xử không xét.

*Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:* Không có.

*- Về trách nhiệm dân sự:*

Tại phiên tòa, ông T1 và bà H yêu cầu bị cáo tiếp tục bồi thường số tiền 14.143.000đ (mười bốn triệu một trăm bốn mươi ba nghìn đồng), bị cáo đồng ý bồi thường số tiền trên cho ông T1 và bà H, Hội đồng xét xử ghi nhận.

Tại phiên tòa, ông Võ Phương N vắng mặt nhưng trong quá trình điều tra, ông N yêu cầu bị cáo T bồi thường số tiền 1.000.000đ (một triệu đồng) do ông N đã giao nộp lại điện thoại di động hiệu Samsung J6 màu đen đã mua của bị cáo T. Tại phiên tòa, bị cáo T đồng ý bồi thường cho ông N số tiền trên, Hội đồng xét xử ghi nhận.

Về thời hạn thực hiện trách nhiệm bồi thường: Tại phiên tòa, bị cáo T xin được bồi thường số tiền sau khi chấp hành án xong. Xét thấy theo quy định của pháp luật thì thiệt hại phải được bồi thường toàn bộ và kịp thời nên Hội đồng xét xử buộc bị cáo phải bồi thường cho ông T1 và bà H số tiền 14.143.000đ (mười bốn triệu một trăm bốn mươi ba nghìn đồng), bồi thường cho ông N số tiền 1.000.000đ (một triệu đồng), bồi thường ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật là phù hợp.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

*- Về vật chứng:*

01 điện thoại di động hiệu Samsung; tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam: 21.854.000đ (hai mươi một triệu tám trăm năm mươi bốn nghìn đồng); 01 vòng bằng kim loại màu vàng, đường kính 1,7cm; 01 sợi dây chuyền bằng kim loại màu vàng dài

60cm; 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu đen; 01 điện thoại di động hiệu Philips màu đen; 01 điện thoại di động hiệu Philips màu nâu, tất cả đã được trả cho chủ sở hữu, thấy phù hợp nên Hội đồng xét xử không xét.

01 xe gắn máy hiệu Wave màu đen mang biển số: 67N8-7791, số máy: VHGSL152FMH-022256, số khung: RMSWCHEG8H-022256, bị cáo khai xe do bị cáo mua bằng giấy tay nhưng đã làm mất giấy đăng ký. Qua xác minh được biết chiếc xe trên do bà Dương Thị Ngọc N đứng tên chủ sở hữu nhưng bà Nền đã bán xe cho người khác, Cơ quan cảnh sát điều tra đã thông báo tìm chủ sở hữu nhưng đến nay không có người đến nhận, Hội đồng xét xử quyết định tịch thu sung công quỹ Nhà nước.

Từ những phân tích trên, xét thấy đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi giữ quyền công T1 ở tại phiên tòa là phù hợp.

Xét cần buộc bị cáo phải nộp tiền án phí hình sự và án phí dân sự sơ thẩm theo luật định.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 168, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Ngọc T phạm tội: “Cướp tài sản”.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc T 08 (tám) năm 06 (sáu) tháng tù về tội: “Cướp tài sản”, thời hạn tù tính từ ngày 14/9/2019.

- Căn cứ Điều 468, Điều 584, Điều 585, Điều 589 Bộ luật Dân sự năm 2015:

Buộc bị cáo Nguyễn Ngọc T phải có trách nhiệm bồi thường cho ông Nguyễn Văn T1 và bà Trần Thị H số tiền 14.143.000đ (mười bốn triệu một trăm bốn mươi ba nghìn đồng) ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Buộc bị cáo Nguyễn Ngọc T phải có trách nhiệm bồi thường cho ông Võ Phương N số tiền 1.000.000đ (một triệu đồng) ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Căn cứ khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Tịch thu sung công quỹ Nhà nước 01 xe gắn máy hiệu Wave màu đen mang biển số: 67N8-7791, số máy: VHGSL152FMH-022256, số khung: RMSWCHEG8H-022256.

(Theo Phiếu nhập kho vật chứng số 66/PNK ngày 08/4/2020).

- Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016:

Buộc bị cáo T phải nộp 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Buộc bị cáo T phải nộp 757.150đ (bảy trăm năm mươi bảy nghìn một trăm năm mươi đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

- Bị cáo, bị hại có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án.*

**Nội nhần:**

- TAND TP.HCM;
- VKSND H.Củ Chi;
- Chi cục THADS H. Củ Chi;
- THA HS;
- Phòng PC53 Công an TP.HCM;
- Sôu tố phẩu;
- UBND nôi bò caùo cổ truù;
- Bò caùo;
- Người TGTT;
- Lồu, hình sỡ, hoà sô.

**TM. HOÀI ÑOÀNG XEÙT XỒU SỒ  
THAẢM**

**Thaảm phaùn – Chuû toĩa phieân  
toòa**

**Vũ Thị Thanh Hương**